TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2022/HSST
Ngày 29-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trương Xuân Vũ;
2- Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tú và ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Từ ngày 26 đến ngày 29`tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2022/TLST-HS ngày 13-6-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 27-6-2022 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn H**, Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1962 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 Th, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Hưu trí. Trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 25-11-2020 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 07-QĐ/UBKTHU ngày 01-12-2020; Quyết định gia hạn số 13-QĐ/UBKTHU ngày 02-4-2021; Quyết định gia hạn số 20-QĐ/UBKTHU ngày 01-9-2021 và Quyết định gia hạn số 25-QĐ/UBKTHU ngày 02-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Hoàng Ngọc M (Đã chết) và bà Nông Thị L. Vợ là chị Vi Thị S; bị cáo có năm con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 Th, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. Triệu Văn T, Sinh ngày 01 tháng 10 năm 1979 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công chức. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 25-11-2020 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực

pháp luật theo Quyết định số 112-QĐ/HU ngày 09-12-2020; Quyết định gia hạn số 135-QĐ/HU ngày 02-4-2021; Quyết định gia hạn số 207-QĐ/HU ngày 01-9-2021 của BCH Đảng bộ huyện L và Quyết định gia hạn số 27-QĐ/UBKTHU ngày … tháng… nắm 2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Triệu Thiều M và bà Lý Thị C. Vợ là chị Triệu Thị Ph; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

3. **Đặng Tấn S**, Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1985 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: trồng trọt. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 25-11-2020 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 05-QĐ/UBKTHU ngày 01-12-2020; Quyết định gia hạn số 11-QĐ/UBKTHU ngày 02-4-2021; Quyết định gia hạn số 21-QĐ/UBKTHU ngày 01-9-2021 và Quyết định gia hạn số 26-QĐ/UBKTHU ngày 02-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Đặng Quốc L (Đã chết) và bà Đặng Thị T. Vợ là chị Phùng Thị S; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

4. Lù Minh V, Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1982 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công chức. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 25-11-2020 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 113-QĐ/HU ngày 09-12-2020; Quyết định gia hạn số 134-QĐ/HU ngày 02-4-2021; Quyết định gia hạn số 206-QĐ/HU ngày 01-9-2021 của BCH Đảng bộ huyện L và Quyết định gia hạn số 28-QĐ/UBKTHU ngày … tháng… nắm 2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Lù Văn H và bà Vi Thị Th. Vợ là chị Đoàn Thị M; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2020 đến ngày 01-7-2021 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

5. **Triệu Trung Ph**, Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1960 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Hưu trí. Trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 25-11-2020 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 06-QĐ/UBKTHU ngày 01-12-2020; Quyết định gia hạn số 12-QĐ/UBKTHU ngày 02-4-2021; Quyết định gia hạn số 19-QĐ/UBKTHU ngày 01-9-2021 và Quyết định gia hạn số 24-QĐ/UBKTHU ngày 02-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Triệu Hữu Th và bà Thiều Thị Ph (Đều đã chết). Vợ là chị Triệu Thị D; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2020 đến ngày 09-12-2021 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

6. **Hoàng Văn Đ**, Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1964 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Hưu trí. Trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 87-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Hoàng Thị K. Vợ là chị Nguyễn Thị V; bị cáo có năm con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. **Triệu Trung T**, Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1972 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Triệu Hữu Y và bà Triệu Thị Ph (Đều đã chết). Vợ là chị Triệu Thị Ch; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1997. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. **Triệu Văn V**, Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1995 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Triệu Ng V và bà Phùng Thị G. Vợ là chị Nông Thị T; bị cáo có một con sinh năm 2018. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Hoàng Văn Th, Sinh ngày 15 tháng 7 năm 1962 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 83-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Hoàng Kim L và bà Lý Thị X (Đều đã chết). Vợ là chị Bàn Thị H; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 4 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. **Vi Hồng D**, Sinh ngày 23 tháng 02 năm 1990 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 Th, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 15-10-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 02-QĐ/ĐU ngày 26-10-2021 của BCH Đảng bộ xã PL và Quyết định số 86-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Vi Kim Th và bà Hoàng Thị N. Vợ là chị Triệu Thị H; bị cáo có một con sinh năm 2021. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 Th, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. **Lý Văn Ngh**, Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1982 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 82-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Lý Đức Q (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L. Vợ là chị Lương Thị V; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. **Thiều Hữu Th**, Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1965 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 3 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Thiều văn H và bà Lý Thị Ph (Đều đã chết). Vợ là chị La Thị T; bị cáo có bốn con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1997. Vợ, con bị cáo

hiện sinh sống tại thôn 3 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. **Nguyễn Văn P**, Sinh ngày 22 tháng 11 năm 1964 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 3 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 81-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Nguyễn Văn Q và bà Bàn Thị S (Đều đã chết). Vợ là chị Bàn Thị N; bị cáo có bốn con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1991. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 3 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. Nguyễn Văn K, Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1984 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 Th, xã PL, huyện L, tỉnh Y.Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và bà Bàn Thị T. Vợ là chị Lý Thị Nh; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 4 Th, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. Đặng Phúc T, Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 15-10-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 03-QĐ/ĐU ngày 26-10-2021 của BCH Đảng bộ xã PL và Quyết định số 89-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Đặng Văn M và bà Thiều Thị T. Vợ là chị Đặng Thị Gh; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

16. **Đặng Văn G**, Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1988 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 3 Th, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực

pháp luật theo Quyết định số 90-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị N. Vợ là chị Bàn Thị M; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2010. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 3 Th, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

17. **Trương Văn C**, Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1988 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 2 Th, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công an viên. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 85-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Trương Văn Th và bà Trương Thị T. Vợ là chị Trương Thị N; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 2 Th, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

18. **Thiều Hữu Ng**, Sinh ngày 07 tháng 02 năm 1965 tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 V, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Trưởng thôn. Trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 15-10-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 26-10-2021 của BCH Đảng bộ xã PL và Quyết định số 84-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Thiều Văn Q và bà Lý Thị Nh (Đều đã chết). Vợ là chị Đặng Thị L; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 V, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

19. **Lù Minh Kh**, Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1989, tại huyện L, tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 1 T, xã PL, huyện L, tỉnh Y. Nghề Nghiệp: Công chức. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn kể từ ngày 30-11-2021 đến khi Bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 88-QĐ/UBKTHU ngày 06-12-2021 của Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Lù Văn H và bà Vi Thị Th. Vợ là chị Nông Thị Thanh H; bị cáo có một con sinh năm 2018. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại thôn 1 T, xã PL- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S, Triệu Trung Ph:

Ông Nguyễn Quốc L và bà Lương Thị Ng Ph- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Y, có mặt.

Người bào chữa cho cả 19 bị cáo trong vụ án:

Ông Hoàng Trọng H và ông Hoàng Kim C- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Y, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Triệu Văn K.H 48 tuổi

Nơi cư trú: Thôn 2 V, xã PL, huyện L, Y, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí D 46 tuổi

Nơi cư trú: Tổ 1 thị trấn Y B- huyện Y B, tỉnh Y, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Ng 28 tuổi

Nơi cư trú: Thôn 2 V, xã PL, huyện L, Y, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Mạnh H 43 tuổi

Nơi cư trú: Tổ 13 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

5. UBND xã PL do ông Thiều Văn Ch- Phó Chủ tịch đại diện theo uỷ quyền, có mặt.

6. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y do ông Nguyễn Công Th- Phó Giám đốc đại diện theo uỷ quyền, có mặt.

7. Hạt Kiểm lâm huyện L do ông Hà Tiến C- Hạt trưởng đại diện, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chính sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được triển khai theo quy định của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Y, nguồn kinh phí chi trả thu từ các cơ sở sản xuất thủy điện, cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch, cơ sở sản xuất công Ngh có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng (DVMTR).... Nguồn kinh phí này được ủy thác cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y chi trả gián tiếp cho các chủ rừng qua Ủy ban nhân dân các xã. UBND xã phải thực hiện lập hồ sơ giao khoán, nghiệm thu, xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR, lập chứng từ rút tiền sau đó chi trả cho các cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng. Xã PL có diện tích rừng cung ứng DVMTR với 3.187,08 ha, trong đó 2.744,6 ha rừng tự nhiên do UBND huyện L và UBND xã PL quản lý. Trước năm 2018, việc chi trả tiền DVMTR do Hạt Kiểm lâm huyện L thực hiện, đến năm 2018, việc chi trả tiền DVMTR do UBND xã PL thực hiện tiếp nhận từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y để chi trả và phải thực hiện xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng (theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ). Hạt Kiểm lâm huyện L đã chỉ đạo cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn tham mưu, hướng dẫn cho

UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện L, trong đó có UBND xã PL kiện toàn lại các tổ nhóm và thực hiện bảo vệ rừng ngay từ tháng 01/2018.

Khoảng tháng 3/2018, tại phòng làm việc của Hoàng Văn H (nguyên Chủ tịch UBND xã PL) đã tổ chức cuộc họp với thành phần gồm có: Hoàng Văn H, Triệu Văn T (khi đó là Phó Chủ tịch UBND xã) Đặng Tấn S (nguyên Phó Trưởng Công an xã) Lù Minh V (khi đó là Công chức địa chính xã), Triệu Trung Ph (nguyên Bí thư Đảng ủy xã) Hoàng Văn Đ (nguyên Trưởng Công an xã), có sự tham gia của ông Nguyễn Mạnh H- Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã PL. Tại đây, ông Hùng đã triển khai nội dung mới trong công tác giao khoán bảo vệ rừng đó là: Từ năm 2018, tiền DVMTR sẽ được cấp vào tài khoản UBND xã, để UBND xã chi trả trực tiếp cho các nhóm hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng và chịu trách nhiệm về lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng…. Căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn của xã PL, ông Hùng yêu cầu UBND xã PL phải giao khoán cho đủ 89 nhóm hộ để đảm bảo diện tích giao khoán bảo vệ rừng không vượt quá 30 ha/ hộ theo quy định mới. Sau đó, Hoàng Văn H kết luận cuộc họp với nội dung từ trước đến nay công tác tuần tra, bảo vệ rừng được giao cho 13 người trong lực lượng Công an xã và Lù Minh Kh, Thiều Hữu Ng- Trưởng thôn 1 V vẫn đảm bảo thực hiện tốt. Hoàng Văn H đề nghị tiếp tục giao khoán công tác bảo vệ rừng cho nhóm 15 người này, trong đó Đặng Tấn S là trưởng nhóm. Để đảm bảo D sách nhận khoán đủ 89 người theo quy định thì 04 lãnh đạo, cán bộ xã gồm: Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph và 15 người được giao khoán bảo vệ rừng phải đưa thêm tên khoảng 4 đến 5 người nhà vào danh sách nhận khoán bảo vệ rừng. Kết thúc cuộc họp mọi người đều đồng ý, riêng cá nhân ông Hùng không có ý kiến gì về việc này mà cho rằng việc lựa chọn nhân sự để nhận khoán bảo vệ rừng là trách nhiệm, thẩm quyền của lãnh đạo UBND xã PL, những người được tuyển chọn phải đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác tuần tra, bảo vệ rừng.

Khoảng vài ngày sau, Hoàng Văn H, Triệu Văn T và Lù Minh V đã đến phòng làm việc của Công an xã. Tại đây Hoàng Văn H đã triển khai lại nội dung trên đến lực lượng Công an xã. Đặng Tấn S được giao triển khai tới Lù Minh Kh và Thiều Hữu Ng. Sau đó Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph, Đặng Tấn S, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh và Công an viên Nguyễn Thanh Hùng tự kê D sách thêm từ 4 đến 5 người khống đưa cho Đặng Tấn S để S tập hợp chuyển cho Lù Minh V soạn thảo, lập thành danh sách chung 89 hộ nhận giao khoán. Để hoàn chỉnh hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng và làm chứng từ thanh quyết toán sau này, Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Đặng Tấn S và Lù Minh V cùng nhau hoàn thiện hồ sơ giao khoán, nghiệm thu gồm: Đơn xin nhận khoán, biên bản họp thôn, danh sách nhận khoán bảo vệ rừng (giả mạo chữ ký nhận khoán), ban hành Quyết định công nhận trưởng nhóm và các thành viên nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, thành lập hội đồng nghiệm thu, thanh lý hợp đồng khoán bảo vệ rừng. Sau khi hoàn thiện hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, nhóm do Đặng Tấn S làm

Trưởng nhóm được giao khoán bảo vệ 2.266,5 ha, danh sách gồm có 89 nhóm hộ tham gia bảo vệ rừng. Quá trình triển khai thực hiện công tác bảo vệ rừng năm 2018 thực tế chỉ có lực lượng Công an xã và Lù Minh Kh, Thiều Hữu Ng, tổng số chỉ có 15 người thực hiện bảo vệ rừng, (74 người lập danh sách khống thực tế không có tham gia bảo vệ rừng). Cuối năm 2018 căn cứ kết quả bảo vệ rừng và xác định diện tích rừng cung ứng, UBND tỉnh Y phê duyệt kết quả xác định diện tích rừng được chi trả và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y ra thông báo số tiền DVMTR được thanh toán (Quyết định 1056/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh…về phê duyệt, kết quả thu, nhiệm vụ chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018…), nội dung Quyết định xác định UBND xã PL cung ứng 2.744.60 ha rừng quy đổi theo hệ số k = 2.308,91 ha, được chi trả số tiền 1.847.128.000 đồng, trong đó nhóm hộ của Đặng Tấn S được thanh toán: 1.537.304.000 đồng. UBND xã PL đã xây dựng phương án sử dụng số tiền DVMTR gửi Phòng Tài chính- Kế hoạch, Hạt Kiểm lâm huyện L thẩm định trình UBND huyện L phê duyệt gửi về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Ngày 14/6/2019 và 27/6/2019 Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y ra lệnh chuyển 461.782.000 đồng và 1.385.346.000 đồng, tổng cộng: 1.847.128.000 đồng tới tài khoản của UBND xã PL tại kho bạc Nhà nước huyện L. Ngày 26/7/2019, Hoàng Văn H đã ký Giấy rút tiền mặt, Phiếu thu, Phiếu chi để bộ phận kế toán, thủ quỹ của UBND xã PL làm thủ tục rút tiền, giao cho Đặng Tấn S: 1.537.304.000 đồng để chi trả tiền DVMTR. S báo cáo Triệu Văn T- Phó Chủ tịch UBND xã, Hoàng Văn H- Chủ tịch UBND xã nội dung: Khoản tiền DVMTR năm 2018 sẽ chia đều cho 19 người, mỗi người sẽ được nhận 80.910.000 đồng và thống nhất trích lại 150.000.000 đồng chuyển cho UBND xã sử dụng phục vụ công tác bảo vệ rừng, mua sắm một số trang thiết bị… và góp mỗi người từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng để cùng nhau liên hoan, ăn uống, hỗ trợ tiền xăng xe cho ông Nguyễn Mạnh H- Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn, Triệu Văn T, Hoàng Văn H đồng ý. Đặng Tấn S chia đều số tiền trên cho 19 người gồm: Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh, Nguyễn Thanh Hùng mỗi người 80.910.000 đồng (số tiền của Nguyễn Thanh Hùng do con trai là Nguyễn Văn Ng nhận thay), Đặng Tấn S: 80.924.000 đồng. Sau đó cả nhóm góp lại mỗi người khoảng 8.000.000 đồng, được 150.000.000 đồng giao cho UBND xã để mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng…, và góp tiền liên hoan. Mấy ngày sau S đưa cho Nguyễn Mạnh H 2.000.000 đồng nói là tiền hỗ trợ xăng xe, H nhận nhưng không biết nguồn gốc của số tiền này.

Năm 2019, do ông Nguyễn Thanh H chết, tháng 01/2019 Triệu Văn V được tuyển dụng thay thế cho ông Nguyễn Thanh H làm Công an viên. Đặng Tấn S đã thông báo cho Triệu Văn V về công tác bảo vệ rừng và đưa khống người thân vào D sách tham gia bảo vệ rừng thay thế cho những người mà ông Nguyễn Thanh H đưa vào D sách nhận khoán bảo vệ rừng năm 2018. Triệu Văn V đã đưa tên của V

cùng 04 người khác để Đặng Tấn S bổ sung vào danh sách nhưng thực tế chỉ có V tham gia bảo vệ rừng và điều chỉnh thay đổi danh sách một số người, trên cơ sở hồ sơ đã làm 2018. Các đối tượng tiếp tục lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng năm 2019, lập D sách 89 hộ tham gia bảo vệ rừng, hoàn thiện hồ sơ giao khoán, nghiệm thu với trình tự, thủ tục như đã làm năm 2018. Quá trình triển khai công tác bảo vệ rừng năm 2019 thực tế chỉ có 15 người tham gia bảo vệ, ngoài ra Triệu Văn T, Hoàng Văn H còn giao cho ông Triệu Văn K.H- Chỉ huy trưởng quân sự xã và Nguyễn Chí D- Công chức địa chính xây dựng xã PL phối hợp cùng tham gia bảo vệ rừng, (ông K.H và ông Dũng không có tên trong danh sách nhận khoán bảo vệ rừng). Cuối năm 2019 căn cứ kết quả bảo vệ rừng và xác định diện tích rừng cung ứng, UBND tỉnh Y phê duyệt kết quả xác định diện tích rừng được chi trả và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y ra thông báo số tiền DVMTR được thanh toán. Cụ thể UBND xã PL được chi trả 1.717.257.890 đồng tiền dịch vụ môi trường rừng, trong đó nhóm hộ của Đặng Tấn S được thanh toán 1.337.297.936 đồng. UBND xã PL đã xây dựng phương án sử dụng số tiền dịch vụ môi trường rừng, và đề nghị Quỹ bảo vệ và phát triển rừng chuyển tiền (thời điểm này Hoàng Văn H đã nghỉ hưu và Triệu Văn T được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã PL). Ngày 15/6/2020 Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y ra lệnh chuyển 1.717.257.890 đồng tới tài khoản của UBND xã PL tại kho bạc Nhà nước huyện L, trong đó có 1.337.297.936 đồng của nhóm Đặng Tấn S (đại diện cho 89 nhóm hộ). Ngày 15/7/2020 và ngày 16/7/2020, Triệu Văn T đã ký các chứng từ Ủy nhiệm chi, Phiếu thu, Phiếu chi để bộ phận kế toán, thủ quỹ của UBND xã PL làm thủ tục để rút tiền, giao cho bị can Đặng Tấn S 1.337.297.936 đồng. Nhận được tiền S đã báo cáo với Triệu Văn T về việc sử dụng số tiền DVMTR năm 2019 cũng giống như đã chia nhau vào tháng 7/2019. Trong đó tiền DVMTR năm 2019 được chi ngoài cho ông Triệu Văn K.H- Chỉ huy trưởng quân sự xã và ông Nguyễn Chí D- Công chức địa chính xây dựng xã mỗi người 13.000.000 đồng vì có tham gia bảo vệ rừng. Sau đó chia đều cho 19 người, mỗi người được nhận 69.015.000 đồng và trích lại 100.000.000 đồng cho UBND xã để sử dụng phục vụ công tác bảo vệ rừng, mua sắm trang thiết bị. Mỗi cá nhân sẽ góp từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng để liên hoan ăn uống, hỗ trợ cho Nguyễn Mạnh H- Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn tiền xăng xe đi lại; việc Đg góp này là do các cá nhân tự nguyện. Số tiền được chia cho 19 người gồm: Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh, Triệu Văn V mỗi người 69.015.000 đồng, Đặng Tấn S 69.028.000 đồng. Cả nhóm trích lại cho UBND xã 100.000.000 đồng, số tiền còn thừa Triệu Trung T đưa ông Nguyễn Mạnh H kiểm lâm viên 1.500.000 đồng, nói là hỗ trợ tiền xăng xe. Ông Hùng nhận nhưng không biết nguồn gốc số tiền này.

Các tài liệu, vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Hồ sơ tài liệu, chứng từ có liên quan đến việc tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo vệ rừng năm 2018-2019, được đánh số bút lục theo hồ sơ vụ án (BL 888-1147)

- 02 quyển phiếu chi, 05 tờ chứng từ tạm giữ của Triệu Văn T được đánh số bút lục theo hồ sơ vụ án (Bút lục 1148-1220)

- Bằng khen, giấy khen… của các bị cáo Đặng Tấn S, Triệu Trung Ph, Lù Minh Kh, Lù Minh V, Nguyễn Văn P, Thiều Hữu Ng, Triệu Văn T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Th, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Hoàng Văn H, Hoàng Văn Đ do bà Phùng Thị S, anh Triệu Anh T, ông Hoàng Quốc V giao nộp được đánh số bút lục theo hồ sơ vụ án (Bút lục 291-448)

*Tạm giữ số tiền do các cá nhân giao nộp khắc phục hậu quả bao gồm:

- Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V; Triệu Trung Ph mỗi cá nhân 149.925.000 đồng (4 x 149.925.000 = 599.700.000 đồng); Hoàng Văn Đ 143.824.100 đồng; Đặng Tấn S 117.574.000 đồng; 12 cá nhân gồm: Thiều Hữu Th, Đặng Phúc T, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn K, Đặng Văn G, Vi Hồng D, Triệu Trung T, Lý Văn Ngh, Trương Văn C, Nguyễn Văn P, Lù Minh Kh và Thiều Hữu Ng mỗi cá nhân giao nộp 117.627.000 đồng (12 x 117.627.000 = 1.411.524.000 đồng); Triệu Văn V: 53.990.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn Ng (con trai ông Nguyễn Thanh H) tự nguyện giao nộp số tiền 63.637.000 đồng. Ông Triệu Văn K.H và ông Nguyễn Chí D mỗi cá nhân 13.000.000 đồng. Anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện giao nộp số tiền 3.500.000 đồng.

Tổng cộng: **2.419.749.100 đồng.**

* Tạm giữ 03 (ba) quyển sổ trong quá trình khám xét chỗ ở của Đặng Tấn S có đặc điểm như sau: Quyển 1: Bìa giả da màu đen, bên trong có 26 trang ghi nội dung; Quyển 2: Bìa giả da màu đen, bên trong có 07 trang ghi nội dung; Quyển 3: Bìa bên ngoài ghi nhãn hiệu HONGHA, bên trong có 03 (ba) trang ghi nội dung. Trên các trang ghi nội dung tại 03 (ba) quyển sổ đều có chữ ký xác nhận của Đặng Tấn S, các trang còn lại đều là giấy trắng.

Tại bản Kết luận Giám định tư pháp tài chính - kế toán ngày 30/6/2021 của Giám định viên tư pháp về tài chính- kế toán gồm ông Phạm Hoàng Thao, ông Trần Anh Tuấn và bà Lương Thị Minh Loan- Sở Tài chính tỉnh Y đã kết luận:

Nội dung thứ 1:

Trách nhiệm của UBND xã PL trong việc quản lý, sử dụng số tiền dịch vụ môi trường rừng; giao khoán cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng; nghiệm thu công tác bảo vệ rừng và lập hồ sơ quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng.

- ***Việc quản lý tiền dịch vụ môi trường rừng***: Trên hồ sơ việc quản lý tiền về hình thức đảm bảo theo quy định...;

- ***Việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng***: Về hình thức hồ sơ đảm bảo điều kiện thanh toán. Tuy nhiên theo kết quả điều tra việc sử dụng, quyết toán tiền

dịch vụ môi trường rừng năm 2018, năm 2019 UBND xã thực hiện chi trả một phần không đúng đối tượng, thanh toán cao hơn số được hưởng cho các hộ có tham gia bảo vệ rừng, Thanh toán toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng cho 15 người có tham gia bảo vệ rừng và 04 đối tượng nguyên là lãnh đạo xã không tham gia bảo vệ rừng. Từ những căn cứ trên, UBND xã PL thực hiện không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán "*Yêu cầu kế toán phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của Ngh vụ kinh tế, tài chính"*. Từ đó dẫn đến các bị can sử dụng trái phép số tiền dịch vụ môi trường rừng.

Trách nhiệm của UBND xã PL trong việc giao khoán cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng:

- Khoán bảo vệ rừng đối với diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất thuộc loại khoán công việc, dịch vụ thời hạn không quá 01 năm; Năm 2018 đối tượng khoán bảo vệ rừng là cá nhân hoặc hộ dân, UBND xã PL tổ chức khoán theo nhóm hộ là không phù hợp theo mẫu số 01 quy định tại Điều 7 Nghị định 168/2016/Đ-CP. Trình tự, thủ tục khoán theo "Khoán công việc và dịch vụ: Bên khoán và nhận khoán thoả thuận ký hợp đồng khoán theo quy định tại phụ lục ban hành kèm".

- UBND xã PL không họp bầu 89 hộ tham gia bảo vệ rừng như trên hồ sơ; không công bố công khai diện tích khoán bảo vệ rừng đến nhân dân trong địa bàn xã. Không thực hiện theo quy định tại văn bản số 1222/SNN-QBV&PT ngày 22/8/2018 của Sở Nông Ngh &PTNT. Dẫn đến D sách các hộ tham gia bảo vệ rừng theo hợp đồng khoán không đúng thực tế, thiếu cơ sở nghiệm thu bảo vệ rừng.

Nội dung thứ 2:

Trình tự lập hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018 và năm 2019 của UBND xã PL.

- ***Quy trình lập hồ sơ***: Về hình thức, trình tự cơ bản đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên trình tự thể hiện trên hồ sơ không đúng với thực tế. UBND xã không tổ chức họp công khai tới thôn bản về diện tích bảo vệ rừng; lập khống biên bản kết quả họp thôn bản bình bầu các hộ bảo vệ rừng; danh sách các hộ bảo vệ rừng trên hợp đồng và danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; lập quyết toán từ hồ sơ có cả chứng từ khống. Từ những hành vi trên của Chủ tịch UBND xã- Hoàng Văn H; Phó Chủ tịch UBND xã- Triệu Văn T và các đối tượng công chức xã PL có liên quan đã kê khống, làm tăng diện tích được thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng, tăng số tiền dịch vụ môi trường rừng tại Quyết định của UBND tỉnh năm 2018, năm 2019 so với số đối tượng thực tế tham gia bảo vệ rừng (nhóm Đặng Tấn S) được hưởng để rút tiền ra sử dụng vào mục đích khác.

Về pháp luật kế toán, UBND xã PL thực hiện không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán "*Yêu cầu kế toán phản ánh trung thực khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của Ngh vụ kinh tế, tài chính*".

- ***Thủ tục thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng:***

Việc chi trả tiền UBND xã PL không thực hiện công khai tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2018/TT-BTC.

Chủ tịch UBND xã không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ các nội dung: Tổ chức niêm yết công khai về danh sách tham gia, danh sách được trả tiền bảo vệ rừng tại trụ sở UBND cấp xã và tại nơi họp cộng đồng dân cư thôn, bản hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi; thông báo bằng văn bản hệ thống truyền thanh của xã, thôn, bản hoặc công bố trong hội nghị nhân dân của xã, thôn, bản.

UBND xã không thực hiện đầy đủ theo Tiết e Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2018/TT-BTC: "*Các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân tham gia giám sát đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn liên quan đến quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng*". Theo đó Kế toán thực hiện trả tiền cho trưởng nhóm nhưng không giám sát đầy đủ việc trưởng nhóm thanh toán cho các thành viên tham gia bảo vệ rừng; UBND xã không tổ chức tuyên truyền cho cộng đồng dân cư thôn giám sát liên quan đến quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.

Nội dung thứ 3:

Hành vi lập khống thêm người thân trong gia đình của các bị can vào D sách nhận khoán bảo vệ rừng, giả mạo chữ ký trong D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng để chiếm đoạt tiền đã vi phạm quy định của nhà nước.

Các bị can lập hồ sơ không đúng sự thật, giả mạo chữ ký và những người có tham gia ký vào danh sách nhận tiền nhưng không tham gia bảo vệ rừng về pháp luật tài chính kế toán, các bị can đã vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 13 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, cụ thể là:

"*- Giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xoá chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác;*

- Cố ý thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật".

Nội dung thứ 4:

Số tiền thiệt hại; chủ thể bị thiệt hại; số tiền bị chiếm đoạt.

- Tổng số tiền thiệt hại do hành vi của 05 bị can và các đối tượng liên quan rút ra sử dụng vào việc khác là: **2.416.249.036 đồng**. Gồm:

Năm 2018: 1.289.374.100 đồng;

Năm 2019: 1.126.874.936 đồng;

- Việc các bị can kê khống 74 hộ gia đình bảo vệ rừng đã làm mất cơ hội việc làm, thu nhập đối với người dân xã PL. Tuy nhiên ngoài 15 đối tượng tham gia bảo vệ rừng năm 2018, năm 2019 còn lại các hộ không tham gia bảo vệ rừng nên không có căn cứ để chi trả tiền cho nhân dân xã PL;

Căn cứ nguồn tiền, phương pháp chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng:

+ Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả cho các chủ rừng có cung cấp dịch vụ môi trường rừng được tính trên (KW giờ điện, 1 m^3 nước thương

phẩm, tỷ lệ trên doanh thu) trả theo hình thức gián tiếp việc chi trả tới các chủ rừng do UBND tỉnh Y quyết định.

+ Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Y chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018, năm 2019 do các đơn vị có sử dụng dịch vụ môi trường rừng uỷ thác; hình thức chi trả gián tiếp.

+ Phương án chi trả cho các chủ rừng là toàn bộ số tiền thu được từ các đơn vị có sử dụng môi trường rừng; lãi tiền gửi phát sinh trên địa bàn toàn tỉnh Y trong năm 2018 và 2019 trừ đi chi phí cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.

UBND xã PL có trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các bị can lập hồ sơ, chứng từ thanh toán, quyết toán khống, chiếm đoạt số tiền **2.416.249.100 đồng** gây thiệt hại cho các chủ rừng và ảnh hưởng đến nguồn chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Y năm 2018 và năm 2019.

Số tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018-2019 (Phụ biểu số 02 kèm theo Kết luận giám định Tài chính- Kế toán ngày 30/6/2021) cụ thể như sau:

Năm 2018 nhóm Đặng Tấn S đã nhận là: **1.537.304.000 đồng**, trong đó số tiền các bị can được hưởng theo đúng quy định là: **247.929.900 đồng**, số tiền các bị can đã vụ lợi là **1.289.374.100** đồng.

Năm 2019 nhóm Đặng Tấn S đã nhận là: **1.337.298.000** đồng, trong đó số tiền các bị can được hưởng theo đúng quy định là: **210.423.000** đồng, số tiền các bị can đã vụ lợi là **1.126.875.000** đồng.

Tổng số tiền các bị can vụ lợi cá nhân trong năm 2018, 2019 như sau:

Hoàng Văn H 149.925.000 đồng; Triệu Văn T 149.925.000 đồng; Lù Minh V 149.925.000 đồng; Đặng Tấn S 117.574.000 đồng; Triệu Trung Ph 149.925.000 đồng; Hoàng Văn Đ 143.824.100 đồng; Triệu Trung T 117.627.000 đồng; Hoàng Văn Th 117.627.000 đồng; Vi Hồng D 117.627.000 đồng; Lý Văn Ngh 117.627.000 đồng; Thiều Hữu Th 117.627.000 đồng; Nguyễn Văn P 117.627.000 đồng; Nguyễn Văn K 117.627.000 đồng; Đặng Phúc Tiến 117.627.000 đồng; Đặng Văn G 117.627.000 đồng; Trương Văn C 117.627.000 đồng; Thiều Hữu Ng 117.627.000 đồng; Lù Minh Kh 117.627.000 đồng; Triệu Văn V 53.990.000 đồng; Nguyễn Thanh H (đã chết) 63.637.000 đồng; Triệu Văn K.H 13.000.000 đồng; Nguyễn Chí D 13.000.000 đồng.

(Bút lục số 195 đến bút lục số 233).

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-P2 ngày 26-01-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố:

- Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng

Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Triệu Văn V về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội D: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn H** từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giam (01 năm 02 tháng) theo quy định của pháp luật. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn T** từ 01 năm đến 01 năm 05 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giam (01 năm 02 tháng) theo quy định của pháp luật. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Tấn S** từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giam (01 năm 02 tháng) theo quy định của pháp luật. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lù Minh V** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giam (07 tháng 06 ngày) theo quy định của pháp luật. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Trung Ph** từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giam (01 năm 14 ngày) theo quy định của pháp luật. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 05 bị cáo trên.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn Đ** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Trung T** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn Th** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Vi Hồng D** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lý Văn Ngh** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Thiều Hữu Th** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Văn P** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Văn K** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Phúc T** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Văn G** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn C** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Thiều Hữu Ng** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 356; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lù Minh Kh** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Áp dụng khoản 1 điều 356; điều 36; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn V** từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ;

Miễn khấu trừ thu nhập; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 14 bị cáo nói trên.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu giao cho UBND xã PL quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền sử dụng theo quy định số tiền các bị cáo vụ lợi đã giao nộp là 2.416.249.100 đồng; trong đó có số tiền gia đình ông Nguyễn Thanh Hùng (đã chết) giao nộp 63.637.000 đồng và số tiền Triệu Văn K.H, Nguyễn Chí D giao nộp mỗi người 13.000.000 đồng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Mạnh H giao nộp 3.500.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị tuyên án phí theo quy định của pháp luật

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V và Đặng Tấn S trình bày quan điểm:

Về cơ bản nhất trí với tội danh *"Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* mà Cáo trạng cũng như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V và Đặng Tấn S, tuy nhiên không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung "*Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên*" quy định tại khoản 3 điều 256 BLHS bởi những lý do:

Thứ nhất về hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng:

Khoán bảo vệ rừng là hình thức khoán công việc, dịch vụ, thực hiện theo thỏa thuận giữa bên khoán và bên nhận khoán, tối đa không quá 01 năm. Việc các bị cáo lập hồ sơ khoán bảo vệ không trái với quy định, tại thời điểm ký hợp đồng, đưa người vào danh sách các bị cáo hoàn toàn không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền dịch vụ môi trường rừng trái phép, chỉ thực hiện theo mẫu và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cung cấp. Đối với khoán bảo vệ rừng, không giới hạn số người tham gia bảo vệ, do đó việc 15 người trực tiếp thực hiện việc bảo vệ toàn bộ diện tích rừng nhận khoán không trái với quy định. Đối chiếu với các điều khoản, quyền và nghĩa vụ trong các hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu đã thể hiện bên nhận khoán (ông Đăng Tấn S) thực hiện đúng, đảm bảo các nghĩa vụ trong hợp đồng….. Do vậy, theo quy định của Bộ Luật Dân sự, sau khi thanh lý hợp đồng ông Đặng Tấn S đủ điều kiện được hưởng các quyền của bên nhận khoán đã ký kết, được thanh toán tiền công bảo vệ rừng, các lợi ích hình thành từ diện tích nhận khoán (trong đó có tiền dịch vụ môi trường rừng) là hoàn toàn phù hợp.

Thứ hai, Về hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng:

Việc các bị cáo ký hợp đồng khoán, xây dựng hồ sơ giao khoán không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền dịch vụ môi trường rừng.

Tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả không căn cứ vào việc giao khoán, bảo vệ, không phụ thuộc vào hồ sơ trình tự thủ tục số lượng người nhận bảo vệ… mà chỉ căn cứ trên kết quả nghiệm thu thực tế, toàn bộ diện tích rừng đảm bảo đủ điều kiện cung ứng trong năm trước đó.

Toàn bộ số tiền 2.416.249.100 đồng trong 02 năm 2018, 2019 UBND xã PL được chi trả trên cơ sở diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là đúng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Thứ ba, Xác định hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại từ hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo:

Tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại điều 356 Bộ luật Hình sự thì hậu quả là dấu hiệu bắt buộc, cụ thể là hành vi phạm tội phải gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Số tiền dịch vụ môi trường rừng đã được chi đúng cho UBND xã PL, đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Do đó, không gây thiệt hại đến ngân sách cũng như các thiệt hại phi vật chất của Nhà nước. Diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng là rừng được giao cho Uỷ ban nhân dân xã quản lý, không được giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cụ thể do đó cũng không ảnh hưởng, gây thiệt hại tới đối tượng là Chủ rừng.

Cá nhân bị thiệt hại trong vụ án này chính là những người đã trực tiếp thực hiện việc nhận khoán, tuần tra, trông coi bảo vệ rừng. Sau khi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y chi trả hợp pháp, mặc dù các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph không tham gia tuần tra bảo vệ rừng nhưng đã hưởng số tiền **80.910.000** đồng/người/năm, gây thiệt hại cho những cá nhân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng. Số tiền còn lại, các bị cáo đã chi đủ cho bên nhận khoán (15 bị cáo còn lại trong vụ án) là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như thực tiễn, thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết. Do đó, không thể xác định các bị cáo gây thiệt hại với tổng số tiền 2.416.249.100 đồng trong 02 năm 2018, 2019 và truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 3 điều 356 Bộ luật Hình sự.

Việc buộc các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 2.416.249.036 đồng là không có căn cứ, bất lợi cho các bị cáo, với giá trị tiền cá nhân mỗi bị cáo đã hưởng lợi trái phép từ tiền dịch vụ môi trường rừng, chỉ có thể truy tố, xét xử các bị cáo với tình tiết tăng nặng định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm b khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, hoàn toàn đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề xuất thêm một số tình tiết, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Thứ nhất, Về nhân thân, hoàn cảnh gia đình: Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph, đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết về xã hội nói chung, kiến thức về pháp luật, quy định trong lĩnh vực kế toán, Lâm Ngh nói riêng còn có phần hạn chế. Các bị cáo có nhân thân tốt, là những người uy tín, có trách nhiệm trong công việc, chấp hành và có ý thức vận động người dân chấp hành tốt chủ trương

đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Có nhiều công lao Đg góp đối với sự phát triển kinh tế xã hội chính trị tại địa phương.

Thứ hai, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã trực tiếp cũng như tích cực tác động gia đình để tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn trả lại toàn bộ số tiền được xác định đã nhận trái quy định. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S đã rất tích cực hợp tác, tự nguyện cung cấp các thông tin, tài liệu quan trọng giúp cơ quan điều tra giải quyết vụ án, phát hiện làm rõ các đồng phạm khác trong vụ án. Quá trình công tác tại địa phương các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V có nhiều thành tích trong công tác, được Nhà nước tặng thưởng Giấy khen, Bằng khen.

Về nguyên nhân, tính chất mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật

Xuất phát từ việc nắm bắt các quy định có liên quan đến công tác giao khoán bảo vệ rừng cũng như việc tiếp nhận, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các bị cáo còn mơ hồ, chưa được hướng dẫn cụ thể.

Cán bộ kiểm lâm chuyên trách có những hướng dẫn áp dụng quy định không rõ ràng, có sự nhầm lẫn giữa hai hình thức khoán, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn về quy trình thủ tục, cung cấp toàn bộ mẫu hồ sơ giao khoán đối với hình thức khoán ổn định lâu dài, không giành cho khoán công việc… dẫn đến việc các bị cáo buộc phải xây dựng hồ sơ không phù hợp với quy định.

Kết quả nghiệm thu và thực tế cho thấy rừng trên địa bàn xã PL luôn được bảo vệ tốt, toàn bộ diện tích rừng được trông coi bảo vệ không bị xâm lấn, phá huỷ...

Ngoài ra, các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Trung Ph có bố đẻ là những người có công với nước, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph đều là những người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, sau khi sự việc bị phát hiện đã tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, thành khẩn khai báo năn năn hối cải và chủ động nộp lại toàn bộ số tiền được xác định hưởng lợi trái phép do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ quy định tại khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 NQ hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt quy định tại điều 59 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 điều 356; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 59 Bộ luật Hình sự miễn hình phạt cho các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Triệu Trung Ph. Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc

thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn , đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm đ khoản 1 điều 12, khoảng 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo: Đặng Tấn S , Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh, Triệu Văn V trình bày quan điểm:

Hồ sơ khoán bảo vệ đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc khoán bảo vệ rừng thuộc hình thức khoán công việc, không giới hạn về hạn mức khoán (diện tích, con người...) mà chỉ cần bên khoán, bên nhận khoán đủ khả năng bảo vệ rừng, đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ ký kết trong hợp đồng), không phải họp thôn, không quy định hạn mức nhận khoán.... Bên khoán và bên nhận khoán ký hợp đồng khoán. Hợp đồng khoán thể hiện trong hồ sơ vụ án đã đảm bảo hình thức theo mẫu, được xác định là thoả thuận dân sự. Việc tranh chấp về hợp đồng (thực hiện không đúng về đối tượng, về quyền, nghĩa vụ… nếu có phải được giải quyết bằng vụ án dân sự).

15 bị cáo Đặng Tấn S , Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh, Triệu Văn V là những người trực tiếp bỏ công sức thực hiện việc tuần tra, trông coi bảo vệ toàn bộ hơn 2.000 ha rừng trên địa bàn xã PL trong 2 năm 2018, 2019. Mặc dù không đảm bảo số lượng người như giao kết trong hợp đồng, nhưng các bị cáo vẫn đảm bảo và thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo điều khoản hợp đồng đã giao kết, toàn bộ diện tích rừng được giao trông coi bảo vệ đủ điều kiện cung ứng các dịch vụ, đủ điều kiện được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Trường hợp không sử dụng đúng số lượng người (89 người) như trong hợp đồng đã giao kết thì cũng là tranh chấp dân sự, không thể hình sự hoá vụ việc dân sự để buộc tội các bị cáo.

Việc các bị cáo cung cấp tên người nhà vào danh sách nhận khoán là do sự hướng dẫn thiếu trách nhiệm, sai về chủ trương quy định của các cán bộ chuyên trách có thẩm quyền.

Tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả không căn cứ vào số lượng người tham gia bảo vệ rừng mà tính trên cơ sở diện tích rừng cung ứng đảm bảo trong năm. Theo quy định, cá nhân trông coi bảo vệ rừng được chi trả 90% từ tiền dịch vụ môi trường rừng. Do đó, 15 bị cáo là những người trực tiếp bị thiệt hại, do không được hưởng toàn bộ tiền dịch vụ môi trường rừng từ việc nhận khoán trông coi bảo vệ. Việc xác định các bị cáo đồng phạm với 04 bị cáo còn lại về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là chưa đủ căn cứ, chưa phù hợp, bất lợi cho các bị cáo.

Việc xác định số tiền các bị cáo hưởng lợi trái phép cần phải đánh giá, xác định phù hợp, khách quan: Kết luận giám định tài chính xác định số tiền mỗi bị cáo trực

tiếp trông coi bảo vệ rừng được hưởng năm 2018 là 17.273.000 đồng; năm 2019 là 15.025.000 đồng căn cứ theo danh sách chi tiền mà các bị cáo đang bị cáo buộc lập sai, lập khống, trái với quy định trong hồ sơ vụ án là thiếu khách quan, không đảm bảo quy định của pháp luật.

Không đảm bảo quy kết trách nhiệm hình sự đối với 15 bị cáo Đặng Tấn S, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh và Triệu Văn V. Trường hợp không chấp nhận quan điểm trên đây của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 59 Bộ luật Hình sự miễn hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà:

- Anh Nguyễn Mạnh H, cán bộ Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã PL trình bày: Đầu năm 2018 đã tham mưu cho Lãnh đạo UBND xã PL triển khai quy định mới của Chính phủ về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Trước đây việc thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng là do Hạt Kiểm lâm thực hiện, do có sẵn mẫu biểu nên đã cung cấp và hướng dẫn cho UBND xã PL lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, hồ sơ thanh quyết toán việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Quá trình phụ trách xã đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Kiểm lâm viên và được cán bộ xã hai lần đưa với số tiền 3.500.000 đồng, tuy nhiên chỉ biết đây là số tiền hỗ trợ xăng xe đi lại trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng, ngoài ra không nhận số tiền nào khác. Khi vụ án được khởi tố, điều tra, đã tự nguyện nộp lại số tiền trên.

- Ông Hà Tiến C- Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện L trình bày: Căn cứ pháp lý của các hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng được ký kết giữa Hạt Kiểm lâm và UBND xã PL là Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ nhưng tại thời điểm ký kết hợp đồng không có văn bản nào hướng dẫn thực hiện. Hình thức khoán trong hợp đồng đã giao kết là khoán công việc, tuy nhiên căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương và để đảm bảo cho diện tích rừng được bảo vệ một cách tốt nhất, Hạt Kiểm lâm đã có văn bản hướng dẫn UBND các xã trên địa bàn huyện trình tự, thủ tục lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng theo hình thức khoán ổn định. Trường hợp nhóm nhận khoán bảo vệ rừng không đủ số lượng người tương ứng với diện tích rừng cần bảo vệ theo tiêu chí không quá 30 ha/1 hộ thì Hạt Kiểm lâm đã không ký hợp đồng. Trên thực tế UBND xã PL chỉ sử dụng 15 người tham gia tuần tra bảo vệ rừng là trái quy định.

- Ông Nguyễn Công Th- Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y trình bày:

Căn cứ theo diện tích rừng trên địa bàn xã PL- huyện L, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018, 2019… Sau khi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y chuyển tiền

đầy đủ cho UBND xã PL….toàn bộ số tiền do UBND xã PL quản lý. Tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả không căn cứ việc giao khoán bảo vệ rừng như thế nào mà chỉ căn cứ kết quả rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ hay không, trên cơ sở tổng diện tích rừng được nghiệm thu nhân với đơn giá chi trả/01ha.

Đối với số tiền các bị cáo vụ lợi đã giao nộp đề nghị Hội đồng xét xử giao cho UBND xã PL quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền sử dụng theo quy định.

- Ông Thiều Văn Ch- Phó Chủ tịch UBND xã PL trình bày: Sự việc sai phạm trong công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng xảy ra tại địa bàn xã PL là rất đáng tiếc. UBND xã có được sử dụng một phần tiền từ kinh phí dịch vụ môi trường rừng do nhóm bảo vệ rừng trích lại để mua sắm, sửa chữa trang thiết bị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ vi phạm; nguyên nhân phạm tội; quá trình cống hiến cho sự phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương… cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước. Đối với số tiền các bị cáo vụ lợi đã giao nộp đề nghị Hội đồng xét xử giao cho UBND xã PL quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền sử dụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội D và hình phạt:

Qúa trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong hai năm 2018 và 2019, Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, bàn bạc cùng nhau xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng với các tài liệu trái quy định như: Đơn xin nhận khoán, biên bản họp thôn, D sách nhận khoán bảo vệ rừng (giả mạo chữ ký nhận khoán), ban hành Quyết định công nhận trưởng nhóm và các thành viên nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, thành lập hội đồng nghiệm thu, thanh lý hợp đồng khoán bảo vệ rừng…. và chỉ đạo 15 bị cáo: Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Thiều Hữu Th, Đặng Phúc T, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn K, Đặng Văn G, Vi Hồng D, Triệu Trung T, Lý Văn Ngh, Trương Văn C,

Nguyễn Văn P, Lù Minh Kh, Thiều Hữu Ng, Triệu Văn V và Công an viên Nguyễn Thanh Hùng (đã chết) đưa thêm người vào D sách nhóm hộ tham gia bảo vệ rừng với D sách 89 người (trong đó: 74 người khống, 15 người tham gia bảo vệ rừng) hoàn thiện hồ sơ để được các cơ quan chức năng phê duyệt và là căn cứ để Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trình UBND tỉnh Y phê duyệt chi trả tiền DVMTR, khi Qũy Bảo vệ và phát triển rừng có thông báo chi trả tiền DVMTR, UBND xã PL đã xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR phù hợp số lượng nhóm hộ tham gia bảo vệ rừng với diện tích rừng để Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y chi trả tiền DVMTR năm 2018 và 2019 với tổng số tiền là: 2.874.601.936 đồng, số tiền các bị cáo được hưởng theo đúng quy định là: 458.352.900 đồng, số tiền các bị cáo đã vụ lợi cá nhân gây thiệt hại: 2.416.249.100 đồng.

Hành vi lập hồ sơ không đúng sự thật, giả mạo chữ ký và những người có tham gia ký vào D sách nhận tiền nhưng không tham gia vào bảo vệ rừng về pháp luật tài chính kế toán, các bị cáo đã vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 13 Luật Kế toán số 88/2015/QH13. Cụ thể là:

"*Giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xoá chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác;*

Cố ý thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật".

Xét về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Trong vụ án này, Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S là những người có chức vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện việc giao nhận khoán bảo vệ rừng theo đúng quy định. Tuy nhiên các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, tự bàn bạc, thống nhất lập khống hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, lập khống D sách 74 người tham gia bảo vệ rừng năm 2018, 2019 để được Qũy bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Y chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Sau khi có thông báo có tiền DVMTR các bị cáo lập phương án sử dụng tiền DVMTR, lập chứng từ thu, chi không đúng thực tế gây thiệt hại: 2.416.249.100 đồng, vụ lợi cho cá nhân mình và các bị cáo khác; thực tế các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, mỗi bị cáo vụ lợi cá nhân 149.925.000 đồng, Đặng Tấn S vụ lợi cá nhân 117.574.000 đồng, do vậy các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S là những người phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền gây thiệt hại là 2.416.249.100 đồng theo quy định tại khoản 3, Điều 356 BLHS.

Đối với các bị cáo: Triệu Trung Ph không tham gia bảo vệ rừng, không tham gia lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, vụ lợi cá nhân 149.925.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn Đ vụ lợi cá nhân 143.824.100 đồng; các bị cáo Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh mỗi bị cáo vụ lợi cá nhân 117.627.000 đồng; Triệu Văn V vụ lợi cá nhân 53.990.000 đồng, là những người tham gia bảo vệ rừng, có hành vi đưa khống người nhà của mình vào D sách tham gia bảo vệ rừng theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo xã, để lập D

sách, hoàn thiện hồ sơ, chứng từ để được thanh quyết toán tiền DVMTR, biết việc đưa khống thêm người vào là không đúng quy định, đồng thời các bị cáo còn thống nhất khi được thanh toán tiền DVMTR các bị can đã trích lại cho UBND xã PL 250.000.000 đồng để phục vụ cho lợi ích tập thể. Các bị cáo không biết và không tham gia quá trình xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng của Lãnh đạo xã, không biết tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng UBND xã được nhận năm 2018, 2019 là bao nhiêu tiền, do vậy chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mỗi cá nhân được chia tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018, 2019. Các bị cáo phải chịu tình tiết định khung là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm b khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Triệu Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm tuy nhiên hành vi của các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể từ trước. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Hoàng Văn H (Nguyên chủ tịch UBND xã PL năm 2018- 2019) là người trực tiếp chỉ đạo việc lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng; là chủ tài khoản ký các chứng từ quyết toán việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018; đưa khống tên những người thân quen vào D sách bảo vệ rừng và D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; bản thân vụ lợi cá nhân số tiền 149.925.000 đồng do đó Hoàng Văn H giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Triệu Văn T (Nguyên phó chủ tịch UBND xã PL năm 2018- 2019; Chủ tịch UBND xã PL năm 2020) là người triển khai việc lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng; là chủ tài khoản ký các chứng từ quyết toán việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2019; đưa khống tên những người thân quen vào D sách bảo vệ rừng và D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; bản thân vụ lợi cá nhân số tiền 149.925.000 đồng. Bị cáo Đặng Tấn S (Nguyên Phó Trưởng công an xã) là trưởng nhóm tập hợp D sách các cá nhân bảo vệ rừng; nhận tiền và trực tiếp chi trả tiền cho các thành viên trong nhóm; đưa khống tên những người thân quen vào D sách bảo vệ rừng và D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; bản thân vụ lợi cá nhân số tiền 117.574.000 đồng. Bị cáo Lù Minh V (Nguyên cán bộ địa chính xã) là người xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng; hồ sơ thanh quyết toán việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; đưa khống tên những người thân quen vào D sách bảo vệ rừng và D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; bản thân vụ lợi cá nhân số tiền 149.925.000 đồng. Do đó ba bị cáo này có vai trò sau bị cáo Hoàng Văn H.

Bị cáo Triệu Trung Ph (Nguyên Bí thư Đảng uỷ xã) là người được mời tham gia cuộc họp triển khai nội dung mới về công tác giao khoán, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Mặc dù không có ý kiến chỉ đạo, không tham gia triển khai việc xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng... do nể nang đã không có Th độ kiên quyết đối với chủ trương không đúng của lãnh đạo xã trong việc lập sơ giao khoán bảo vệ rừng mà bản thân bị cáo cũng đưa khống tên những người thân quen vào D

sách bảo vệ rừng và D sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Mặc dù không tham gia tuần tra bảo vệ rừng nhưng trong hai năm cũng đã vụ lợi cá nhân số tiền 149.925.000 đồng. Do đó Triệu Trung Ph có vai trò sau các bị cáo Triệu Văn T, Đặng Tấn S, Lù Minh V.

Các bị cáo còn lại gồm: Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh, Triệu Văn V là những người làm Công an viên thôn, trưởng thôn, quân sự xã được phân công trực tiếp thực hiện công tác bảo vệ rừng, tiếp nhận mục đích thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của lãnh đạo xã, do đó các bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án và phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức đồng thời xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi lập hồ sơ không đúng sự thật, giả mạo chữ ký và những người có tham gia ký vào D sách nhận tiền nhưng không tham gia vào bảo vệ rừng là vi phạm pháp luật nhưng do mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; bị cáo Triệu Văn V phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố. Cụ thể điều luật quy định như sau:

*"***Điều 356.Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ**

1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt từ từ 05 năm đến 10 năm:

....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

....

3.Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt từ từ 10 năm đến 15 năm".

Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là những người chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S, Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh và Triệu Văn V tự nguyện nộp toàn bộ số tiền sai phạm, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cả 19 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Triệu Văn T, Đặng Tấn S và Triệu Trung Ph được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen nên ba bị cáo này còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác" quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra các bị cáo còn có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau:

Bị cáo Hoàng Văn H được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và nhiều Giấy khen; có bố là ông Hoàng Ng Minh được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo Triệu Văn T có bố vợ là ông Triệu Tiến Ch được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Bị cáo Đặng Tấn S có bố là ông Đặng Quốc L được tặng thưởng Bằng khen.

Bị cáo Lù Minh V được tặng thưởng nhiều Giấy khen; có bố là ông Lù Văn H được tặng thưởng Bằng khen và Kỷ niệm chương Xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng; có ông là Lù Văn H được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo Triệu Trung Ph được tặng Huy hiệu 30 năm, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; có thời gian phục vụ trong quân đội; có bố là ông Triệu Hữu Th tham gia dân công hoả tuyến.

Bị cáo Hoàng Văn Đ được tặng thưởng nhiều Giấy khen và Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Bị cáo Triệu Trung T được tặng thưởng nhiều Giấy khen và Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Bị cáo Hoàng Văn Th được tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc; giấy khen; có bố là ông Hoàng Kim L được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Bị cáo Thiều Hữu Th được tặng thưởng nhiều Giấy khen và Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc; có bố nuôi là ông Đặng Kim Q là Liệt sỹ, hiện tại bị cáo đang thờ tự.

Bị cáo Nguyễn Văn P được tặng thưởng nhiều Giấy khen và Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Bị cáo Trương Văn C được tặng thưởng nhiều Giấy khen.

Bị cáo Thiều Hữu Ng được tặng thưởng nhiều Giấy khen; có thời gian dài trong quân đội; được tặng thưởng Kỷ niệm chương tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại mặt trận biên giới phía bắc; có bố là ông Thiều Văn Q tham gia dân công hoả tuyến.

Bị cáo Lù Minh Kh được tặng thưởng Giấy khen; có bố là ông Lù Văn H được tặng thưởng Bằng khen và Kỷ niệm chương Xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng; có ông là Lù Văn H được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi lập hồ sơ, chứng từ thanh toán, quyết toán khống chiếm đoạt tiền trong hai năm 2018 và 2019 nên các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V và Đặng Tấn S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 19 bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng; trước khi thực hiện hành vi phạm tội luôn chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

- Quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H (Từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự) và 14 bị cáo khác là: Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh (Từ khoản 2 xuống khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự).

- Quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 2 điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S (Từ khoản 3 xuống khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự).

Về hình phạt: Các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S và Triệu Trung Ph là người có chức vụ, quyền hạn; hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng do đó cần thiết phải cách ly năm bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hành vi phạm tội của các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh là rất nghiêm trọng, tuy nhiên các bị cáo là người trực tiếp tuần tra, bảo vệ rừng, thực tế rừng vẫn được bảo vệ không bị chặt phá, xâm lấn... Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức hạn chế. Các bị cáo không biết và không tham gia quá trình xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng của Lãnh đạo xã,

không biết tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng UBND xã được nhận năm 2018, 2019 là bao nhiêu, chỉ biết số tiền được hưởng của cá nhân. Xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

Các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 05 bị cáo: Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S và Triệu Trung Ph. Miễn khấu trừ thu nhập; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 13 bị cáo: Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng và Lù Minh Kh.

Hành vi phạm tội của Triệu Văn V là nghiêm trọng tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và có vai trò không đáng kể. Căn cứ điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì Triệu Văn V có đủ điều kiện được áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại điều 59 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với những người và hành vi có liên quan:

- Trong vụ án có ông Nguyễn Thanh H là công an viên có hành vi đưa khống người vào D sách tham gia bảo vệ rừng năm 2018 để hoàn thiện hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, tháng 11/2018 ông Nguyễn Thanh H đã chết do bệnh lý. Tháng 7/2019 ông H được chia 80.910.000 đồng, trong đó có 17.273.000 đồng được hưởng đúng quy định, còn 63.637.000 đồng là số tiền vụ lợi, số tiền trên do Nguyễn Văn Ng (con trai ông Nguyễn Thanh H) nhận thay. Quá trình điều tra xác định anh Ng không biết số tiền trên hưởng lợi trái pháp luật, không biết việc ông H lập danh sách khống để được nhận tiền, đã tự nguyện giao nộp 63.637.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh.

- Đối với anh Nguyễn Mạnh H là cán bộ Kiểm lâm phụ trách địa bàn, quá trình điều tra Triệu Văn T khai nhận 02 lần đưa H tổng số tiền 15.000.000 đồng để bồi dưỡng và cảm ơn, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đưa, nhận tiền nên không có cơ sở xem xét xử lý. Ngoài ra Đặng Tấn S khai nhận khoảng 7/2019 đưa Nguyễn Mạnh H 2.000.000 đồng; tháng 7/2020 Triệu Trung T đưa Nguyễn Mạnh H 1.500.000 đồng nói hỗ trợ tiền xăng xe trong quá trình tham gia bảo vệ rừng. Anh H thừa nhận số tiền trên nhưng chỉ biết đây là tiền UBND xã

PL hỗ trợ tiền xăng xe; quá trình điều tra Nguyễn Mạnh H đã tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng nói trên.

Khi thực hiện chức trách nhiệm vụ Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn, Nguyễn Mạnh H có tham gia họp cùng Lãnh đạo xã và cung cấp một số biểu mẫu xây dựng hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng... Quá trình điều tra xác định Hùng không liên quan đến hành vi vụ lợi của các bị cáo trong vụ án nên không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với ông Triệu Văn K.H và ông Nguyễn Chí D có hành vi nhận 13.000.000 đồng do Đặng Tấn S đưa. Quá trình điều tra xác định ông K.H và ông Dũng không đưa người và không có tên trong danh sách tham gia bảo vệ rừng; không biết việc lập hồ sơ giao khoán, thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng của Lãnh đạo xã; không biết số tiền trên do các bị cáo lập khống người tham gia bảo vệ rừng để hoàn thiện hồ sơ vụ lợi chiếm đoạt và thực tế có tham gia công tác bảo vệ rừng năm 2019. Quá trình điều tra hai người này cũng đã tự nguyện giao nộp số tiền đã nhận cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, nên không xem xét hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng các bị cáo trích lại cho UBND xã PL năm 2018, 2019 để mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng... nằm trong tổng số tiền vụ lợi; số tiền trên các bị cáo đã khắc phục hậu quả và không có đề nghị gì nên không xét đến giải quyết trong vụ án.

[4] Về biện pháp tư pháp; Đối với số tiền tạm giữ của các cá nhân gồm

- Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V; Triệu Trung Ph, mỗi cá nhân 149.925.000 đồng (4 x 149.925.000 = 599.700.000 đồng); Hoàng Văn Đ 143.824.100 đồng; Đặng Tấn S 117.574.000 đồng; 12 bị can gồm: Thiều Hữu Th, Đặng Phúc T, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn K, Đặng Văn G, Vi Hồng D, Triệu Trung T, Lý Văn Ngh, Trương Văn C, Nguyễn Văn P, Lù Minh Kh và Thiều Hữu Ng, mỗi cá nhân giao nộp 117.627.000 đồng (12 x 117.627.000 = 1.411.524.000 đồng); Triệu Văn V: 53.990.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn Ng (con trai ông Nguyễn Thanh H) tự nguyện giao nộp 63.637.000 đồng; ông Triệu Văn K.H 13.000.000 đồng; ông Nguyễn Chí D 13.000.000 đồng; anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng của.

Tổng cộng: **2.419.749.100 đồng.**

Xác định đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giao cho UBND xã PL quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền sử dụng theo quy định mà cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Khám xét chỗ ở của Đặng Tấn S, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 03 (ba) quyển sổ. Quá trình điều tra xác định 03 (ba) quyển sổ nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không phải là vật chứng. Ngày 16-11-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 17/QĐ-CSKT trả lại cho bà Phùng Thị S (Vợ của bị cáo Đặng Tấn S) là phù hợp.

- Các tài liệu,chứng cứ được đánh số bút lục lưu hồ sơ vụ án gồm:

+ Hồ sơ tài liệu, chứng từ có liên quan đến việc tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo vệ rừng năm 2018-2019 (BL 888-1147);

+ 02 quyển phiếu chi, 05 tờ chứng từ tạm giữ của Triệu Văn T (BL 1148-1220);

+ Các Bằng khen, Giấy khen… của Đặng Tấn S, Triệu Trung Ph, Lù Minh Kh, Lù Minh V, Nguyễn Văn P, Thiều Hữu Ng, Triệu Văn T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Th, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Hoàng Văn H, Hoàng Văn Đ do bà Phùng Thị S, ông Triệu Anh T và ông Hoàng Quốc V giao nộp (BL 291-448),

[6] Về án phí:

Các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, do đó chấp nhận đề nghị của người bào chữa miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cả 19 bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tội D: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H, Triệu Văn T, Lù Minh V, Đặng Tấn S, Triệu Trung Ph, Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh và Triệu Văn V phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2- Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn H** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 01 năm 02 tháng (Từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022). Thời gian bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Căn cứ khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn T** 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù; được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 01 năm 02 tháng (Từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022); xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3. Căn cứ khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Tấn S** 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù; được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 01 năm 02 tháng (Từ ngày 25-11-2020 đến ngày 24-01-2022); xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.4. Căn cứ khoản 3 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lù Minh V** 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 07 tháng 06 ngày (Từ ngày 25-11-2020 đến ngày 01-7-2021). Thời gian bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 04 (Bốn) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.5. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điều 38; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Trung Ph** 01 (Một) năm 14 (Mười bốn) ngày tù; được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 01 năm 14 ngày (Từ ngày 25-11-2020 đến ngày 09-12-2021); xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.6. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn Đ** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.7. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Trung T** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.8. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn Th** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.9. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Vi Hồng D** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.10. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lý Văn Ngh** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.11. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Thiều Hữu Th** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.12. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Văn P** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.13. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Văn K** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.14. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Phúc T** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.15. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Văn G** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.16. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn C** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.17. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Thiều Hữu Ng** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.18. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 36; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Lù Minh Kh** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh cho Uỷ ban nhân dân xã PL- huyện L- tỉnh Y giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp Hoàng Văn Đ, Triệu Trung T, Hoàng Văn Th, Vi Hồng D, Lý Văn Ngh, Thiều Hữu Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K, Đặng Phúc T, Đặng Văn G, Trương Văn C, Thiều Hữu Ng, Lù Minh Kh vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 68, điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

2.19. Căn cứ khoản 1 điều 356; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 59 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Miễn hình phạt cho bị cáo **Triệu Văn V.**

3- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước **2.419.749.100 đồng**

(Số tiền theo Quyết định chuyển vật chứng số 04-QĐ-VKS-P2 ngày 26-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y; Uỷ nhiệm chi lập ngày 08-02-2022 và Lệnh chuyển có ngày 09-02-2022 từ Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y).

6- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho tất cả 19 bị cáo.

7- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với những người có mặt); trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; Sở Tư pháp;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

Phan Duy Đô